

Số: 47/KH-THS2MP

Mường Pồn, ngày 15 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học 2024-2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 3898/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Công văn số 2100/SGDĐT-GDMT ngày 05/8/2024 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025; Công văn số 1091/PGDĐT-GDTH ngày 19/8/2024 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định ban hành Kế hoạch thời gian năm học: Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông (GDPT) và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 11/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên về việc giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị trường học do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên thuộc huyện Điện Biên năm 2024; Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên; Quyết định số 28/QĐ – PGDĐT ngày 13/3/2024 của phòng Giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo các trường năm 2024 (năm học 2024 – 2025);

Căn cứ kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 của nhà trường; Kết quả đã đạt được và tình hình thực tế của địa phương, Trường tiểu học số 2 xã Mường Pồn xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024-2025

					dân tộc	Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Cận nghèo	khuyết tật	bán trú
1	2	43	15	42	15	19		15	4	0	3
2	3	41	19	41	19	18		11	7		4
3	2	55	31	55	31	28		20	8	3	31
4	2	59	34	57	33	23		16	7	1	36
5	2	45	23	43	22	21		12	9	1	23
Tổng	11	243	123	238	121	109		74	35	5	97

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.
- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân 20,25 học sinh/lớp.
- Tỷ lệ học sinh nữ chiếm 50,6%
- Tỷ lệ học sinh dân tộc chiếm 98%
- Tỷ lệ học sinh con hộ nghèo, cận nghèo: 44,9%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th.sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	2	0	2	0	0	0	0	
GV	19	12	14	0	18	1	0	0	
NV	1		1	0	0	0	0	1	
Tổng	22	15	15	2	18	1	0	1	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng 01;
- Tổng số giáo viên: 19, trong đó: Giáo viên tiểu học: 13, tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01
- Tổng số nhân viên: 01; (nhân viên bảo vệ: 01).

c. Về thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi

- Về đội ngũ giáo viên:

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình năng động, có tinh thần đoàn kết cao.

Giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục 2019, chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sáng tạo trong việc khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin, linh hoạt đổi mới phương pháp dạy học nâng cao chất lượng học sinh, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ học sinh trong quá trình dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục; Thường xuyên phối hợp với gia đình, xã hội để thực hiện tốt các hoạt động dạy học giáo dục học sinh.

Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản lí nhà trường và năng lực kết nối cộng đồng;

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

* *Khó khăn*

- Về đội ngũ giáo viên:

Giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một vài giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa nhanh nhạy.

Giáo viên nghi thai sản nhiều, dẫn đến tình trạng thiếu biên chế cục bộ.

- Về đội ngũ nhân viên:

Nhân viên kế toán, y tế làm công tác kiêm nhiệm.

- Về cán bộ quản lý:

Việc sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú

**Thuận lợi:*

- Tổng số phòng học: 12 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 8 phòng; điểm trường Tin Tốc: 01 phòng, điểm trường Huổi Chan 1: 01 phòng, điểm trường Huổi Chan 2: 02 phòng).

- Tổng số phòng học bộ môn: 03 phòng, trong đó: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Nghệ thuật.

- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 11 (cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn; 02 máy di động).

+ Máy chiếu vật thể: 01

+ Tủ âm loa, đài: 03 bộ

+ Loa di động: 5 bộ

- Nhà bếp: 01; Nhà ăn: 01. Phòng ở: 04; Nhà bếp, nhà ăn đủ chỗ cho 97 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

- Trung tâm và 03 điểm trường lẻ đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Ba điểm trường đều đảm bảo điều kiện tổ chức dạy học lớp ghép 2 trình độ.

* *Khó khăn:*

- Các phòng học tại điểm trường chưa có đủ các thiết bị hiện đại máy chiếu lắp cố định.

- Phòng ở của HS bán trú còn là phòng tạm, diện tích hạn chế.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

Năm học 2024-2025, là năm học với chủ đề: ***Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương***

Năm học tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình GDPT 2018) từ lớp 1 đến lớp 5; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý quản trị trường học thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong cơ sở giáo dục tiểu học. Phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

1. Mục tiêu chung

Xây dựng một ngôi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh, tạo điều kiện để mỗi HS có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp các em hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Xây dựng ngôi trường là địa chỉ tin cậy của phụ huynh HS có con ở bán trú, đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện và an toàn.

2. Chỉ tiêu cụ thể:

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 243/243 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học, không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS HS		43		41		55		59		45		243	
HS Khuyết tật						3		1		1		5	
HS được đánh giá		43		41		55		59		45		243	
Môn học	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	HTT	25	58	23	56	28	51	30	51	23	51	129	53
	HT	18	42	18	44	27	49	29	49	22	49	114	47
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toán	HTT	26	60	24	59	29	53	30	51	24	53	133	55
	HT	17	40	17	41	26	47	29	49	21	47	110	45
	CHT					0	0	0	0			0	0
Tiếng Anh	HTT	25	58	22	54	28	51	30	51	26	58	131	54
	HT	18	42	19	46	27	49	29	49	19	42	112	46
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đạo đức	HTT	27	63	22	54	41	75	37	63	31	69	158	65
	HT	16	37	19	46	14	25	22	37	14	31	85	35
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
TN-XH	HTT	25	58	22	54	35	64					82	34
	HT	18	42	19	46	20	36					57	23
	CHT	0	0	0	0	0	0					0	0
Lịch sử và Địa lí	HTT							32	54	26	58	58	24
	HT							27	46	19	42	46	19
	CHT							0	0	0	0	0	0
Khoa học	HTT							31	53	26	58	57	23
	HT							28	47	19	42	47	19
	CHT							0	0	0	0	0	0
Tin học	HTT							30	51	0	0	30	12
	HT							29	49	0	0	29	12
	CHT									0	0	0	0
Công nghệ	HTT							33	56	0	0	33	14
	HT							26	44	0	0	26	11
	CHT							0	0	0	0	0	0
GDTC	HTT	25	58	22	54	33	60	34	58	26	58	140	58

	HT	18	42	19	46	22	40	25	42	19	42	103	42
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật (Âm nhạc)	HTT	24	56	21	51	30	55	32	54	26	58	133	55
	HT	19	44	20	49	25	45	27	46	19	42	110	45
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nghệ thuật (Mĩ thuật)	HTT	26	60	21	51	31	56	30	51	26	58	134	55
	HT	17	40	20	49	24	44	29	49	19	42	109	45
	CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoạt động trải nghiệm	HTT	25	58	23	56	35	64	34	58	29	64	146	60
	HT	18	42	18	44	22	40	25	42	16	36	99	41
	CHT												

b) Những phẩm chất chủ yếu

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS HS		43		41		55		59		45		243	
HS Khuyết tật						3		1		1		5	
HS được đánh giá		43		41		55		59		45		243	
Phẩm chất	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	Tốt	43	100	41	100	55	100	59	100	45	100	243	100
Yêu nước	Đạt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nhân ái	Tốt	34	79	35	85	50	91	55	93	41	91	215	88
	Đạt	9	21	6	15	5	9	4	7	4	9	28	12
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chăm chỉ	Tốt	29	67	30	73	42	76	50	85	35	78	186	77
	Đạt	14	33	11	27	13	24	9	15	10	22	57	23
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trung thực	Tốt	36	84	35	85	52	95	54	92	42	93	219	90
	Đạt	7	16	6	15	3	5	5	8	3	7	24	10
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Trách nhiệm	Tốt	32	74	29	71	42	76	47	80	37	82	186	77
	Đạt	11	26	12	29	13	24	12	20	8	18	57	23
	CCG												

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng cộng
TS HS	43	41	55	59	45	243
HS Khuyết tật	0	0	3	1	1	5

HS được đánh giá		43		41		52		58		44		238	
Năng lực cốt lõi	MĐĐ	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
		1. Tự chủ và tự học	Tốt	29	67	28	68	38	69	40	68	30	67
	Đạt	14	33	13	12	17	31	19	32	15	33	78	32
	CCG						0		0		0	0	0
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	30	70	27	66	39	71	40	68	36	80	172	71
	Đạt	13	30	14	34	16	29	19	32	9	20	71	29
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	27	63	25	61	36	65	32	54	28	62	148	61
	Đạt	16	37	16	39	19	35	27	46	17	38	95	39
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- NL đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	27	63	25	61	36	65	33	56	24	53	145	60
	Đạt	16	37	16	39	19	35	26	44		0	77	32
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Tính toán	Tốt	26	60	24	59	29	53	30	51	26	58	135	56
	Đạt	17	40	17	41	26	47	29	49		0	89	37
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Khoa học	Tốt	25	58	23	56	32	58	34	58	27	60	141	58
	Đạt	18	42	18	44	23	42	25	42	18	40	102	42
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Thẩm mỹ	Tốt	26	60	24	59	33	60	32	54	28	62	143	59
	Đạt	17	40	17	41	22	40	27	46	17	38	100	41
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	26	60	24	59	34	62	34	58	29	64	147	60
	Đạt	17	40	17	41	21	38	25	42	16	36	96	40
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Công nghệ	Tốt	0	0	0	0	28	51	34	58	26	58	88	36
	Đạt	0	0	0	0	27	49	25	42	19	42	71	29
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	0
7. Tin học	Tốt	0	0	0	0	28	51	36	61	25	56	89	37
	Đạt	0	0	0	0	27	49	23	39	20	44	70	29
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

d) Kết quả giáo dục cuối năm học

(Có 5 HS khuyết tật học hòa nhập đánh giá sự tiến bộ của trẻ)

Khối lớp	TS HS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	43	8	19	16	37	19	44	0	0	
2	41	6	15	15	37	20	49	0	0	
3	55	8	15	20	38	24	46	0	0	

4	59	10	17	20	34	28	48	0	0	
5	45	8	18	16	36	20	45	0	0	
Tổng	243	40	16,4	87	35,8	111	45,7	0	0	

e) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TS HS	Khen thưởng					
		TSHS được khen thưởng		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	43	24	56	8	19	16	37
2	41	21	51	6	15	15	37
3	55	24	46	8	19	16	37
4	59	21	36	6	15	15	37
5	45	28	64	8	15	20	38
Tổng	243	118	48,6	40	16,4	87	35,8

- Hoàn thành chương trình lớp học: 243/243 HS, tỷ lệ 100%

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 45/45 HS, tỷ lệ 100%

- Kết quả các hội thi: Có học sinh đạt giải trong các kì thi, giao lưu cấp huyện.

g) Các hoạt động khác:

- 12/12 lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, giao lưu (theo quy định) do trường và phòng phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục vào thứ 2 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do nhà trường và phòng phát động.

- 100% học sinh hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi động viên các gia đình chính sách, thăm viếng đài tưởng niệm tại xã: 2lần/năm học.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

(Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được quy định trong chương trình cấp tiểu học)

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5			
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119	
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85	
3	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68	
4	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
5	Tự nhiên – Xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34							
6	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34	
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34	
8	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17	
9	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17	
10	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	
11	Nghệ thuật (Âm nhạc)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
12	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
13	Hoạt động trải nghiệm	- SHDC	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- HGDTCĐ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
14	Tăng cường Tiếng Việt	80	80	0	35	18	17	35	18	17	0	0	0	0	0	0	

15	Đọc sách tại thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
16	Giáo dục địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
II. Môn học tự chọn																
1	Tiếng dân tộc thiểu số															
2	Tiếng Anh (lớp 1, 2)	70	36	34	70	36	34									
Tổng tiết theo cv 2100/SGDDĐT		1082	596	486	1037	534	503	1070	552	520	1107	570	537	1107	570	537
III. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	HĐTN môn Toán/Tiếng Việt/...	68	28	40	61	34	27	26	17	9						
2	HĐTN khác	4	1	3	4	1	3	4	1	3	4	1	3	4	1	3

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9 năm 2024	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ Năm, ngày 05/09/2024	BGH; TPTĐ; GV Âm nhạc; GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức đón Trung thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường/điểm trường	Cuối giờ chiều thứ Ba ngày 17/9 (tức 15/8 Âm lịch) (30 phút)	BGH; TPTĐ; GV Âm nhạc; GV toàn trường	Ban ĐDCMHS, các nhà tài trợ
Tháng 10	Truyền	Sinh hoạt truyền thống về	Tập trung toàn	Sáng thứ Ba	Tổng phụ trách	BGH, GVCN, GV

năm 2024	thống nhà trường	ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	trường/điểm trường	ngày 15/10/2024 (20 phút)	đội; GV Âm nhạc	chuyên
	Hoạt động trải nghiệm	Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 20/10	Theo khối lớp	Tiết SHL ngày 18/10/2024 (30 phút)	TPTĐ, GV Mĩ thuật, GV CN	BGH, GV chuyên
Tháng 11 năm 2024	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Chúc mừng ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Tư ngày 20/11/2024	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.
Tháng 12 năm 2024	Uống nước nhớ nguồn	Tìm hiểu về ngày truyền thống QĐND VN 22/12 – Hoạt cảnh	Tập trung toàn trường	Thứ Sáu ngày 20/12/2024	BGH, TPTĐ, GV toàn trường	Đoàn TNCS HCM xã;
Tháng 1 năm 2025	HĐTN STEM - Làm quen với NCKH, kĩ thuật	Học sinh làm quen với hoạt động nghiên cứu khoa học (khám phá khoa học, khám phá công nghệ)	Theo khối	Sáng thứ Hai ngày 13/01/2025	Tổng PTĐ và GV toàn trường	BGH, Đại diện Cha mẹ HS
	Hoạt động trải nghiệm	Sơ kết học kỳ I - Giáo dục kỹ năng sống: PCCC&CNCH	Tập trung toàn trường;	Chiều thứ sáu ngày 17/1/2025 (60 phút)	Công an xã Mùong Pôn	BGH; TPTĐ; GV, NV toàn trường
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức các hoạt động thực hành Tiếng Anh	Theo khối	Chiều thứ Năm ngày 16/1/2025 (90 phút)	Giáo viên Tiếng Anh và GV toàn trường	BGH, Đại diện Cha mẹ HS
	Hoạt động trải nghiệm	- Chào xuân 2025 (gói bánh chưng) - Trao quà tết cho HS có	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 23/01/2025 (24/12 Âm lịch)	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc, GV toàn trường	- Ban ĐDCMHS - Các nhà tài trợ - Đoàn TNCS HCM xã;

		HCKK				
	Hoạt động trải nghiệm	Tổ chức thăm hỏi gia đình có công với cách mạng; Chăm sóc Đài tưởng niệm của xã	Theo khối	Sáng thứ sáu ngày 24/1/2025 (24/12 Âm lịch)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
	Hoạt động trải nghiệm	Các hoạt động tư vấn tâm lý học sinh	Tập trung toàn trường/ Theo khối (độ tuổi)	Sáng thứ Sáu ngày 17/1/2025 (60 phút)	GV phụ trách Tư vấn tâm lý; TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 2 năm 2025	HD tập thể	95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930-3/2/2025)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 03/2/2025 tiết SHDC (20 phút)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
Tháng 3 năm 2025	Hoạt động trải nghiệm STEM	Hoa yêu thương nở rộ (Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3)	Theo lớp	Sáng thứ Sáu ngày 07/3/2025 tiết SHL (20 phút)	GVCN, TPTĐ GV toàn trường.	BGH
Tháng 4 năm 2025	Hoạt động trải nghiệm	Giao lưu văn nghệ - Tìm hiểu truyền thống với chủ đề “Hướng tới ngày kỷ niệm 50 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025)”	Tập trung toàn trường/ điểm trường	Sáng thứ Hai ngày 28/4/2025 (20 phút)	Tổng phụ trách đội; GV Âm nhạc	- BGH, GV toàn trường, NV.
Tháng 5 năm 2025	Hoạt động trải nghiệm	Sinh hoạt truyền thống: Hoa thơm dâng Bác.	Theo khối lớp	Tiết SHL thứ Sáu ngày 16/5/2023 (30 phút)	TPT Đội và GVCN	BGH, Giáo viên dạy chuyên
	Ngày Hội	Trung bày, giới thiệu, trải nghiệm, khám phá các sản	Tập trung toàn	Sáng thứ Hai	BGH; TPTĐ	- Ban ĐDCMHS

	STEM	phẩm sáng tạo khoa học công nghệ của khối, lớp	trường	ngày 23/5/2025	GV CN, GV dạy chuyên.	- Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
--	------	--	--------	----------------	-----------------------	------------------------------------

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/tháng (Từ 16 giờ 10 phút đến 16 giờ 45 phút).	Tại trường trung tâm và các điểm bản	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Giữa giờ (giờ ra chơi) các ngày trong tuần	Tại sân trường và các điểm bản	
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí	Học sinh bán trú	Sau giờ học cuối buổi chiều, trước giờ ăn tối	Tại trường trung tâm	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

- Kế hoạch giáo dục đối với 03 điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp

* Khung thời gian hoạt động trong ngày tại điểm trường trung tâm:

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
6 giờ 30 phút - 7 giờ 10 phút	40 phút	Vệ sinh cá nhân + ăn sáng (HS bán trú)
7 giờ 10 phút - 7 giờ 30 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1

8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 00 phút	35 phút	Tiết 5 (Thứ hai, thứ tư: khối 4,5)
11 giờ 00 phút - 11 giờ 30 phút	30 phút	Ăn trưa + Sinh hoạt tập thể (HS bán trú, Nuôi em)
11 giờ 30 phút - 13 giờ 30 phút	150 phút	Nghỉ trưa (HS bán trú, Nuôi em)
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 20 phút - 15 giờ 40 phút	20 phút	Ra chơi
15 giờ 45 phút - 16 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 16 giờ 50 phút	30 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS trung tâm trường
Buổi tối		
16 giờ 55 phút - 18 giờ 55 phút	120 phút	Ăn tối + sinh hoạt tập thể (HS bán trú)
19 giờ 00 phút - 21 giờ 00 phút	120 phút	Ôn bài, giải trí (HS bán trú)

***Khung thời gian hoạt động trong ngày tại 3 điểm trường: Tin Tốc, Huổi Chan 1, Huổi Chan 2**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ 10 phút - 7 giờ 30 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ

7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 50 phút - 9 giờ 10 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 00 phút	30 phút	Ăn trưa + sinh hoạt tập thể (HS Nuôi em)
11 giờ 00 phút - 13 giờ 30 phút	150 phút	Nghỉ trưa (HS Nuôi em)
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 20 phút - 15 giờ 40 phút	20 phút	Ra chơi
15 giờ 45 phút - 16 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 16 giờ 40 phút	20 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; GDKNS cho học sinh

* Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, chuyển giao giữa các tiết 5 phút

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

4.1. Khung thời gian thực hiện chương trình:

Thực hiện Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên. Cụ thể

Ngày tựu trường: Lớp 1: thứ Năm ngày 22/8/2024

Lớp 2,3,4,5: thứ Năm ngày 29/8/2024

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 06/9/2024, kết thúc học kỳ I ngày 15/01/2025.

Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): Bắt đầu từ ngày 16/01/2025, hoàn thành kế hoạch giáo dục học kỳ II ngày 24/5/2025.

Kết thúc năm học: ngày 31/5/2025.

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

4.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

- Đối với khối lớp 1:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 1 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 1 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 2:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 2 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 2 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 3:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 3 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 3 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 4:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 4 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 4 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 5:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 5 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 5 *đính kèm*)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Nhà trường xây dựng các phương án bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, tại địa phương

Tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2024-2025 của UBND huyện; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của nhà trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT.

Chỉ đạo tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp; bảo đảm cuối năm học học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình

Tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn bố trí

thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình. Trong điều kiện cho phép, các tổ chuyên môn/giáo viên tạo môi trường cho học sinh trải nghiệm, vận dụng các kiến thức trên lớp, phát huy năng lực được học trong chương trình vào hoạt động giáo dục và thực tiễn.

Thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT. Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung dạy học tích hợp (giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy,...), dạy học theo chủ đề, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... Tăng cường lý tưởng cách mạng, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh; đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tội phạm cho thiếu niên, nhi đồng. Tổ chức tốt hoạt động tư vấn tâm lý trong trường Tiểu học theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức tuyên truyền giáo dục về phòng chống tai nạn thương tích, xâm hại, trẻ em; giáo dục bảo vệ nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, tiết kiệm năng lượng, biến đổi khí hậu, giáo dục về quyền và bổn phận của trẻ em. Thực hiện các giải pháp phòng chống các dịch bệnh, thiên tai.

3. Tổ chức dạy học ngoại ngữ 1, tin học theo chương trình GDPT 2018

Nhà trường tổ chức dạy học Tiếng Anh theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học..

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT ngay từ lớp 1, lớp 2 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình GDPT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương và hoạt động giáo dục STEM

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn quy định của Sở, Phòng

GD&ĐT.

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo (công văn số 360/PGD&ĐT-GDTH ngày 27/3/2023 của PGD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học)

5. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Nhà trường quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng những thành tích thực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, dạy tích hợp các nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

b) Dạy Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số

Triển khai Kế hoạch số 551/KH-UBND ngày 13/4/2021 của UBND huyện về việc thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số huyện Điện Biên giai đoạn 2021-2025;

Lớp 1 triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2023 với thời lượng 80 tiết (dạy thời điểm đầu năm học và 6 tuần đầu tiên – có kế hoạch cụ thể). Lớp 2,3 tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học

sinh dân tộc thiểu số qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần, tài liệu theo Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3.

c) Đối với trẻ khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật. Huy động 100% số trẻ từ 6 đến 10 tuổi khuyết tật có khả năng học tập, học hòa nhập. Phân công giáo viên thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tại đơn vị. Bố trí hợp lý số lượng học sinh trong lớp có học sinh khuyết tật, bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập. Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật của các khối lớp,. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

d) Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

Tiếp tục tổ chức hợp lý các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và nội dung học tập của học sinh Tiểu học như Giao lưu tiếng Việt, kể chuyện theo sách, triển lãm sách, triển lãm tranh, tìm hiểu An toàn giao thông, câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, các cuộc giao lưu trên mạng Internet (Tiếng Anh IOE, giải Toán), giao lưu Olympic các môn Toán, tiếng Việt....

Tăng cường tập luyện các hoạt động thể dục thể thao: điền kinh, bóng đá, đá cầu, bóng bàn, thể dục Aerobic, cờ vua, bơi... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh. Tuyển chọn đội tuyển tập luyện tham gia giải thể thao học sinh phổ thông huyện Điện Biên lần thứ II-2025 đạt kết quả cao.

đ) Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bán trú, Nuôi em và dạy học tại các điểm trường lẻ

** Dạy học 2 buổi/ngày*

Nhà trường bố trí sắp xếp đội ngũ giáo viên đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Duy trì 100% số lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

** Nâng cao chất lượng giáo dục học sinh bán trú, Nuôi em*

Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng cho học sinh bán trú. Kêu gọi các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các mạnh thường quân ủng hộ giúp đỡ kinh phí nấu ăn cho học sinh bán trú, học sinh tham gia dự án Nuôi em để đảm bảo tỉ lệ chuyên cần.

Tích cực tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng mềm, tạo các sân chơi bổ ích, lành mạnh cho học sinh bán trú.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các khâu tổ chức nấu ăn cho học sinh bán trú tại các nhà trường (từ khâu xuất, nhập thực phẩm, thực đơn, đảm bảo cân bằng dinh dưỡng).

Tổ chức tuyên truyền đến cha mẹ học sinh, chính quyền địa phương về chủ trương của Đảng và Nhà nước tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban dân tộc về Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

** Dạy học tại điểm trường lẻ khó khăn*

Xây dựng quy chế phân công dạy học tại điểm trường khó khăn (Huổi Chan 2) đảm bảo công bằng, khách quan; quan tâm xây dựng, bảo vệ cơ sở vật chất điểm trường; nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, khuôn viên điểm trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp an toàn.

6. Rà soát, quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp

Nhà trường tiếp tục rà soát quy mô trường, lớp, số học sinh, nâng cao số học sinh/lớp sát định mức và phù hợp với thực tế địa phương; thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm 2024.

Tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, Ban quản lý thôn bản tuyên truyền, vận động tối đa HS độ tuổi đến trường ra lớp, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng và đi học không chuyên cần.

7. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội, các mạnh thường quân và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, đảm bảo đủ 01 phòng học/lớp; đảm bảo các điều kiện để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Rà soát, sắp xếp bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày

16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Bố trí nhân lực nhà trường để sửa chữa những bàn ghế bị lỏng, mất ốc vít, gãy,...

Tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT đầu tư thiết bị dạy học mới (theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học), đảm bảo 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có ở nhà trường như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật".

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện nhà trường, triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện. Chỉ đạo thực hiện hiệu quả ứng dụng “vui đọc cùng em” tiết đọc thư viện hàng tuần, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Nghiên cứu, nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với thực tế của địa phương, nhà trường. Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả của thư viện trong các trường tiểu học; thực hiện tốt việc lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Cuối năm học, nhà trường tiến hành phát động tặng sách giáo khoa đã qua sử dụng của học sinh cho thư viện nhà trường, để nhà trường bổ sung vào thư viện dùng chung và tiến hành trao tặng cho những HS có hoàn cảnh khó khăn ở năm học sau.

8. Thực hiện công tác phát triển đội ngũ

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo Kế hoạch số 1012/KH-PGDĐT ngày 01/8/2024 của Phòng GDĐT về Kế hoạch Bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông năm học 2024-2025. Triển khai và thực hiện đầy đủ kế hoạch tập huấn cho các đối tượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Quan tâm nhiều hơn đến công tác bồi dưỡng thường xuyên của đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học).

Thực hiện tốt quy định của Bộ GD&ĐT về xây dựng đội ngũ cán bộ quản

lý, giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng theo phương thức bồi dưỡng qua mạng, thường xuyên, liên tục, ngay tại trường; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại phó Hiệu trưởng và giáo viên theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

9. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ 2 buổi/tháng; cấp trường 1 lần/tháng; tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường, cấp huyện 2 lần/năm theo quy định (theo công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học).

Năm học 2024-2025 nhà trường tổ chức thi giáo viên dạy giỏi công tác tổ chức thi giáo viên giỏi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20/12/2019 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

10. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và giáo dục kỹ năng công dân số

Thực hiện nghiêm túc tăng cường UDCNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục, giai đoạn 2022-2025 (Kế hoạch số 605/KH-PGDĐT ngày 03/6/2022 của Phòng GDĐT về tăng cường UDCNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục, giai đoạn 2022-2025).

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo (huyendienbien.edu.vn; <http://hscvpgd.hdb.dienbien.gov.vn>) trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Chỉ đạo thực hiện quyết định số hoá tất cả các loại văn bản, hồ sơ, sổ sách chuyên môn trên phần mềm quản lý trường học (vnedu, edoc), thực hiện ký số;

quản lý tất cả các loại văn bản, kế hoạch hồ sơ sổ sách chuyên môn trên môi trường số. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ và các lĩnh vực được giao phụ trách, đảm nhiệm.

11. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Nhà trường tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, gắn với phong trào thi đua " Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập" của ngành giáo dục giai đoạn 2020-2025.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức truyền thông về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và Đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội.

Tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến được từng cán bộ, giáo viên, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục.

Tăng cường truyền thông về các hoạt động nâng cao nhận thức đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục tiểu học cho việc triển khai Chương trình GDPT 2018.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm kế hoạch dạy học và giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

Tham mưu với chính quyền địa phương và Phòng GD&ĐT về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kỳ; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm

học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, công tác bán trú quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

Quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến công tác phổ cập.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng kế hoạch hoạt động tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

Thành lập Ban chỉ huy Liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

Xây dựng kế hoạch Đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời gian biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/lớp mình đảm nhiệm;
Phối kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên thư viện, thiết bị

Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện - thiết bị;

Quản lý phòng đọc, tổ chức các tiết đọc thư viện;

Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;

Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường.

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

Thực hiện các nhiệm vụ Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 của nhà trường.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDĐT, Bộ Y tế.

Thực hiện qui trình lưu mẫu thực phẩm.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.4. Nhân viên bảo vệ

Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của giáo viên, học sinh.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, điện nước và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy, đồ điện.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của trường Tiểu học số 2 xã Mường Pồn./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Mạc Thị Sâm

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

Đặng Thị Ngọc Hà

